TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HS-ST
Ngày: 04-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Ngọc Liêm

Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2019/HS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Chí C, sinh ngày 10/7/2000, tại huyện C, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: ấp Q, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Nguyễn Thiện T, sinh năm 1969 và bà Phan Thị D, sinh năm 1971 (đã chết).

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị tạm giam ngày 25/01/2019 cho đến nay.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1969. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Ông Cao Văn B, sinh năm 1967, đang chấp hành án tại Trại giam Đ, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bén: bà Trần Thị Đ, sinh năm 1969. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

1. Cao Thị Kim L, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

2. Nguyễn Thanh H (Tèo), sinh năm 1974. (Vắng mặt)

3. Cao Thị Kim N, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 14/9/2018, Nguyễn Chí C đến nhà Trần Thị Đ ở ấp L, xã K, uyện C để đọc giảng làm tuần giáp năm ngày chết của Cao Văn Đằng (cha chồng của Đ). Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, C đến nhà Cao Thị Kim L (con của Đ) cách nhà Đ khoảng 70m, thấy xe mô tô biển số 67F4-4750 của Đ và Cao Văn B (chồng của Đ) dựng trước sân nhà của L không người trông giữ nên C lấy trộm xe chạy về hướng xã A, khi chạy được khoảng 07km thì xe hết xăng nên C cất giấu xe trong bụi cây cạnh lề đường rồi đi về nhà. Cùng ngày, C hay tin việc lấy trộm xe mô tô bị phát hiện nên đến Công an xã K đầu thú, khai nơi cất giấu xe để Công an thu giữ.

Ngày 21/01/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Chợ Mới khởi tố bị can Nguyễn Chí C để điều tra.

Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐG ngày 15/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chợ Mới kết luận: Xe mô tô biển số 67F4-4750 nhãn hiệu WAVE, màu đen, đã qua sử dụng, trị giá 14.000.000 đồng.

Căn cứ Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 691 ngày 05/01/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành Phố Hồ Chí Minh, kết luận: Tại thời điểm giám định (tháng 01 năm 2019) Nguyễn Chí C có độ tuổi từ 18 năm đến 18 năm 6 tháng.

Tại Bản cáo trạng số 08/CT.VKS ngày 26 tháng 02 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Nguyễn Chí C về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày nội dung luận tội: Giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo Nguyễn Chí C. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Chí C khoảng 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại được tài sản nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: vật chứng thu giữ là 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE, biển số 67F4 – 4750 đã được Cơ quan điều tra giao trả lại cho bị hại là phù hợp nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Bị cáo Nguyễn Chí C khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại, người làm chứng trình bày: Tài sản bị mất trộm là 01 mô tô biển số 67F4 – 4750 như nội dung vụ án đã nêu. Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản trả lại cho người bị hại nên bị hại không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Mặc dù tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nhưng tại giai đoạn khởi tố, truy tố, bị cáo đã đủ 18 tuổi nên việc không chỉ định luật sư tham gia bào chữa cho bị cáo và không có người đại diện theo pháp luật khi tiến hành hỏi cung bị cáo là không vi phạm thủ tục tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại và những người làm chứng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Chí C khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng mà Kiểm sát viên đã công bố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; lời khai của bị hại, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ trên, đã có đủ cơ sở xác định: bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, khi thấy xe mô tô không có người trông giữ, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 67F4-4750 trị giá 14.000.000 đồng của Cao Văn B và Trần Thị Đ. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm khắc. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, đang ở độ tuổi lao động, lẽ ra bị cáo phải tích cực lao động để tạo thu nhập tự nuôi sống bản thân và phụ giúp cho gia đình nhưng ngược lại vì tham lam, muốn có xe để làm

phương tiện đi lại, bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, điều này cho thấy ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, tuy nhiên, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú,trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi, bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về xử lý vật chứng: vật chứng thu giữ là 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE, biển số 67F4 – 4750 đã được Cơ quan điều tra giao trả lại cho bị hại nên xem xét, giải quyết.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí C phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 65; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Chí C 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án (04/4/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Chí C cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo

thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế độ án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên